TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TINH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 01 - 2022
V/v tranh chấp "*Không công nhận là vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường;
Ông Phạm Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc "không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đổng Văn L, sinh năm 1972 (có mặt).

Bị đơn: Bà Nại Thị Kim Y, sinh năm 1972 (vắng mặt, có yêu cầu xin vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đổng Văn Ly trình bày*:

Về hôn nhân: Ông với bà Nại Thị Kim Y tự nguyện và về chung sống với nhau vào năm 1991, nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do ông, bà lo đi làm ăn nên không để ý đến thủ tục đăng ký kết hôn.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Y có mâu thuẫn với gia đình ông về vấn đề đất đai, nên từ đó bà Yến không chịu đến gia đình ông, bà Y còn ghen

tuông ông vô cớ, nên từ đó giữa ông với bà Y thường xảy ra cãi nhau, đến năm 2013 thì giữa ông với bà Y có tự thỏa thuận với nhau về vấn đề ly thân, mạnh ai người đó sống, không quan tâm đến nhau nữa.

Nay ông thấy không còn tình cảm với bà Nại Thị Kim Y, nên yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà Nại Thị Kim Y.

Về con chung: Ông với bà Nại Thị Kim Y sống với nhau có 03 con chung tên Đổng Nữ Hồng L, sinh năm 1991, Đổng Thành L1, sinh năm 1995 và Đổng Nữ Thoại M, sinh năm 2000, hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố bà Nại Thị Kim Y trình bày:*

Về hôn nhân: Bà với ông Đổng Văn L tự nguyện và về chung sống với nhau vào năm 1991, nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do ông, bà lo đi làm ăn nên không để ý đến thủ tục đăng ký kết hôn.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa bà với gia đình ông L có mâu thuẫn về vấn đề đất đai, nên từ đó giữa bà với ông L không có tiếng nói chung hay xảy ra cải nhau. Đến năm 2013 thì giữa bà với ông L có tự thỏa thuận với nhau về vấn đề ly thân, mạnh ai người đó sống, không quan tâm đến nhau nữa.

Nay ông Đổng Văn Ly yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà, thì bà đồng ý, vì bà cũng không còn tình cảm với ông Đổng Văn L.

Về con chung: Bà với ông Đổng Văn L sống với nhau có 03 con chung tên Đổng Nữ Hồng L, sinh năm 1991, Đổng Thành L1, sinh năm 1995 và Đổng Nữ Thoại M, sinh năm 2000, hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Do bà bận công việc làm ăn, nên không có thời gian đến Tòa án các lần triệu tập sau, vì vậy cho bà xin được vắng mặt trong các lần triệu tập sau, cũng như phiên tòa xét xử, bà sẽ không khiếu nại hay có ý kiến gì

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tống đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Văn L, không công nhận ông Đồng Văn L với Nại Thị Kim Y là vợ chồng; Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét đến; Về tài sản chung tự thỏa thuận, nên không xem xét đến. Buộc ông Đồng Văn L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp không công nhận là vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay bà Nại Thị Kim Y vắng mặt, có yêu cầu xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đồng Văn L với bà Nại Thị Kim Y sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991. Mặc dù, theo quy định của pháp luật ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng thực tế từ trước đến nay ông bà không đăng ký kết hôn. Như vậy, ông Đồng Văn L với bà Nại Thị Kim Y chưa tuân thủ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*. Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc

ông Đồng Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với bà Nại Thị Kim Y là có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Ông Đồng Văn L với bà Nại Thị Kim Y sống với nhau có 03 con chung, nhưng đã trưởng thành ông Đồng Văn L và bà Nại Thị Kim Y, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.3]. Về tài sản, nợ chung: Tự thảo thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Đồng Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "không công nhận là vợ chồng" của nguyên đơn ông Đồng Văn Ly. Không công nhận quan hệ ông Đồng Văn L với bà Nại Thị Kim Y là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Đồng Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án ông Đồng Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002180, ngày 28-12-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông Đồng Văn Ly đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Bình